

**THÔNG BÁO**

**Về việc cho thuê nhà gắn với quyền sử dụng đất và giá niêm yết, giá sàn  
(Lần 2)**

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) và giá niêm yết, giá sàn cho thuê nội dung cụ thể như sau:

**1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá:**

| STT | Địa chỉ nhà, đất                                                                     | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |                  |                 | Diện tích nhà cho thuê (m <sup>2</sup> ) | Thời hạn cho thuê nhà (năm) | Mục đích sử dụng    | Giá niêm yết (đồng/m <sup>2</sup> /năm) | Tiền đặt trước (5% tổng thời hạn thuê) | Giá thuê (đồng/năm) | Giá thuê (đồng/tháng) | Thời gian, tiếp nhận hồ sơ                                           | Thời gian xác định người được quyền thuê nhà                             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                      | Đất                         | Sàn xây dựng nhà | Sàn sử dụng nhà |                                          |                             |                     |                                         |                                        |                     |                       |                                                                      |                                                                          |
| 1   | 2                                                                                    | 3                           | 4                | 5               | 6                                        | 7                           | 8                   | 9                                       | 10                                     | 11                  | 12                    | 13                                                                   | 14                                                                       |
| 1   | Văn phòng khóm Mỹ Quới, đường Lương Ngọc Quyến, Khu dân cư cá giống, khóm Mỹ Quới    | 55,14                       | 55,14            | 55,14           | 55,14                                    | 5                           | Thương mại, dịch vụ | 237.433                                 | 3.273.013                              | 13.092.051          | 1.091.004             | Từ ngày 22/8 đến 28/8/2026 tại 99 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên | Bắt đầu: 08h30, ngày 29/8/2026 tại 99 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên |
| 2   | Văn phòng khóm Đông Thịnh 6; Địa chỉ: Số 35/36A đường Phạm Cự Lượng, khóm Mỹ Phước 5 | 60,70                       | 60,70            | 60,70           | 60,70                                    | 5                           |                     | 705.191                                 | 10.701.277                             | 42.805.108          | 3.567.092             |                                                                      |                                                                          |
| 3   | Phòng Chuẩn trị đông y phường Mỹ Bình, khóm Nguyễn Du                                | 34,40                       | 34,40            | 34,40           | 34,40                                    | 5                           |                     | 481.828                                 | 4.143.717                              | 16.574.868          | 1.381.239             |                                                                      |                                                                          |

|    |                                                                                        |        |        |        |        |   |  |         |            |            |           |  |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|---|--|---------|------------|------------|-----------|--|--|
| 4  | Văn phòng khóm<br>Đông An 1, số 8/1<br>Phan Liêm, khóm<br>Mỹ Xuyên                     | 64,90  | 135,21 | 135,21 | 64,90  | 5 |  | 184.583 | 6.239.361  | 24.957.445 | 2.079.787 |  |  |
| 5  | Văn phòng khóm<br>Đông An 6, đường<br>Trần Khánh Dư nổi<br>dài, khóm Đông<br>Thành     | 102,90 | 116,80 | 116,80 | 102,90 | 5 |  | 384.358 | 11.223.263 | 44.893.053 | 3.741.088 |  |  |
| 6  | Văn phòng khóm<br>Đông Phú, đường<br>hẻm Kênh 2, khóm<br>Đông Phú                      | 100,00 | 110,00 | 110,00 | 100,00 | 5 |  | 91.724  | 2.522.420  | 10.089.680 | 840.807   |  |  |
| 7  | Văn phòng khóm<br>Đông Thịnh 7, tổ<br>113, đường Phạm<br>Ngũ Lão, khóm Mỹ<br>Phước     | 95,00  | 95,00  | 95,00  | 95,00  | 5 |  | 357.716 | 8.495.759  | 33.983.034 | 2.831.920 |  |  |
| 8  | Văn phòng khóm<br>Tây Khánh 1, khóm<br>Tây Khánh 1                                     | 166,75 | 60,00  | 60,00  | 166,75 | 5 |  | 311.217 | 4.668.258  | 18.673.032 | 1.556.086 |  |  |
| 9  | Văn phòng khóm<br>Đông Thịnh 9, lô<br>8L5 - đường Phạm<br>Văn Đồng, khóm<br>Mỹ Phước 7 | 90,00  | 90,00  | 90,00  | 90,00  | 5 |  | 212.575 | 4.782.934  | 19.131.735 | 1.594.311 |  |  |
| 10 | Văn phòng Khóm<br>Mỹ Phú, rạch<br>Nguyễn Cậy, khóm<br>Mỹ Phú                           | 132,00 | 169,68 | 169,68 | 132,00 | 5 |  | 106.374 | 4.512.404  | 18.049.616 | 1.504.135 |  |  |



## 2. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:

| STT | Địa chỉ nhà, đất                                                             | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |                  |                 | Diện tích nhà cho thuê (m <sup>2</sup> ) | Thời hạn cho thuê nhà (năm) | Mục đích sử dụng    | Giá sàn (đồng/m <sup>2</sup> /năm) | Tiền đặt trước (5% tổng thời hạn thuê) | Giá thuê (đồng/năm) | Giá thuê (đồng/tháng) | Thời gian, tiếp nhận hồ sơ                                           | Thời gian xác định người được quyền thuê nhà                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|------------------------------------------|-----------------------------|---------------------|------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                              | Đất                         | Sàn xây dựng nhà | Sàn sử dụng nhà |                                          |                             |                     |                                    |                                        |                     |                       |                                                                      |                                                                           |
| 1   | 2                                                                            | 3                           | 4                | 5               | 6                                        | 7                           | 8                   | 9                                  | 10                                     | 11                  | 12                    | 13                                                                   | 14                                                                        |
| 1   | Ban Quản lý Dự án nâng cấp đô thị, 16/1 đường Thoại Ngọc Hầu, khóm Mỹ Long 1 | 82,80                       | 215,39           | 215,39          | 215,39                                   | 5                           | Thương mại, dịch vụ | 656.385                            | 35.344.690                             | 141.378.761         | 11.781.563            | Từ ngày 22/8 đến 28/8/2026 tại 99 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên | Bắt đầu: 08h30, ngày 29/8/2026, tại 99 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên |
| 2   | Trụ sở ban Bảo vệ dân phố, đường Trương Hán Siêu, khóm Đông Xuyên            | 222,84                      | 192,00           | 192,00          | 192,00                                   | 5                           |                     | 463.065                            | 22.227.137                             | 88.908.549          | 7.409.046             |                                                                      |                                                                           |
| 3   | Công an phường Mỹ Long, Lô 1-2P2, Nam Đặng Dung, khóm Mỹ Long 1              | 142,00                      | 256,00           | 256,00          | 256,00                                   | 5                           |                     | 689.874                            | 44.151.961                             | 176.607.842         | 14.717.320            |                                                                      |                                                                           |
| 4   | Trụ sở phường đội Mỹ Bình, 152 Cô Bắc, khóm Bình Long 3                      | 500,00                      | 266,00           | 266,00          | 266,00                                   | 5                           |                     | 784.583                            | 52.174.750                             | 208.699.001         | 17.391.583            |                                                                      |                                                                           |
| 5   | Ban chỉ huy quân sự phường Mỹ Hòa, tổ 21, khóm Tây Khánh 4                   | 716,30                      | 192,00           | 192,00          | 192,00                                   | 5                           |                     | 690.774                            | 33.157.137                             | 132.628.547         | 11.052.379            |                                                                      |                                                                           |
| 6   | Cơ sở trạm y tế Đông Xuyên, Ngõ Văn Sở, khóm Đông Phú                        | 374,70                      | 246,00           | 498,00          | 498,00                                   | 5                           |                     | 469.108                            | 58.403.932                             | 233.615.730         | 19.467.977            |                                                                      |                                                                           |
| 7   | Cơ sở Trạm Y tế phường Mỹ Long, số 184/4 Thoại Ngọc Hầu, khóm Mỹ Long 1      | 232,20                      | 623,28           | 623,28          | 623,28                                   | 5                           |                     | 515.404                            | 80.310.193                             | 321.240.771         | 26.770.064            |                                                                      |                                                                           |

|    |                                                                           |        |        |        |        |   |  |           |            |             |            |  |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|---|--|-----------|------------|-------------|------------|--|--|
| 8  | Văn phòng khóm Bình Long 3, đường Lê Văn Nhung, khóm Bình Long 3          | 151,40 | 205,90 | 205,90 | 151,40 | 5 |  | 526.094   | 27.080.694 | 108.322.777 | 9.026.898  |  |  |
| 9  | Văn phòng khóm 3, đường Đặng Dung, khóm Mỹ Long 1                         | 64,00  | 107,20 | 107,20 | 64,00  | 5 |  | 820.921   | 22.000.688 | 88.002.752  | 7.333.563  |  |  |
| 10 | Văn phòng khóm 4, đường Hồ Xuân Hương, khóm Mỹ Long 1                     | 177,50 | 177,50 | 177,50 | 177,50 | 5 |  | 731.222   | 32.447.968 | 129.791.874 | 10.815.989 |  |  |
| 11 | Văn phòng khóm 5, đường Châu Thị Tế, khóm Mỹ Long 2                       | 56,00  | 102,40 | 102,40 | 56,00  | 5 |  | 664.639   | 17.014.763 | 68.059.053  | 5.671.588  |  |  |
| 12 | Văn phòng khóm Tân Quới, đường cặp rạch Gòi lớn, khóm Mỹ Quới             | 150,90 | 149,85 | 149,85 | 150,90 | 5 |  | 374.451   | 14.027.862 | 56.111.450  | 4.675.954  |  |  |
| 13 | Văn phòng khóm Bình Long 1, đường Lê Lợi, khóm Mỹ Bình                    | 151,70 | 190,20 | 190,20 | 151,70 | 5 |  | 924.035   | 43.937.881 | 175.751.525 | 14.645.960 |  |  |
| 14 | Trường mẫu giáo Hoa Đào (điểm phụ), đường Thoại Ngọc Hầu, khóm Mỹ Phước 1 | 178,70 | 178,70 | 178,70 | 178,70 | 5 |  | 1.516.834 | 67.764.569 | 271.058.277 | 22.588.190 |  |  |
| 15 | Trường Mẫu giáo Hoa Sen, số 37 Lương Văn Cù, tổ 1, khóm Mỹ Long           | 163,10 | 501,90 | 501,90 | 163,10 | 5 |  | 630.902   | 79.162.380 | 316.649.519 | 26.387.460 |  |  |
| 16 | Văn phòng khóm Đông An + Hội Chữ thập đỏ, đường Ngô Văn Sở, khóm Đông Phú | 110,10 | 162,42 | 162,42 | 110,10 | 5 |  | 420.926   | 17.091.711 | 68.366.843  | 5.697.237  |  |  |



### **3. Hồ sơ đăng ký:**

- Nộp phiếu đăng ký thuê nhà do Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên phát hành.
- Tiền đặt trước được xác định bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn thuê nhà theo quy định tại khoản 2, Điều 8 - Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP vào tài khoản:

**Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên, số tài khoản: 8640065592, mở tại: Ngân hàng BIDV - CN An Giang hoặc nộp tiền mặt tại Văn phòng Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên, số 99 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.**

- Trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên thuê nhà theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 10 - Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) và Điều 6 - Nghị định số 20/2026/NĐ-CP thì phải nộp bản sao các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên.

- Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm thông báo tại điểm 1, điểm 2 của Thông báo này. Đối với trường hợp có nhu cầu xem thực tế cơ sở nhà, đất trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà và tiền đặt trước thì đăng ký với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên.

#### **\* Các trường hợp khách hàng không được hoàn trả tiền đặt trước (5%):**

- Người đã nộp phiếu nhưng vắng mặt tại buổi mở thùng phiếu đăng ký không có lý do bất khả kháng như: thiên tai, dịch bệnh, tai nạn đột xuất...
- Phiếu đăng ký không hợp lệ: bỏ giá thấp hơn giá niêm yết, giá sàn; nộp quá hạn; phiếu bị tẩy xóa, không đóng dấu treo của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên; thiếu chứng từ tiền đặt trước.
- Rút lại phiếu đăng ký sau khi đã bỏ vào thùng phiếu.
- Từ chối nhận quyền thuê, từ chối ký Biên bản mở phiếu hoặc Hợp đồng thuê nhà theo điểm b, khoản 8, Điều 9 - Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP.

\* Đối với các trường hợp nêu trên, sẽ không được Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên cho đăng ký thuê nhà của các lần tiếp theo.

### **4. Thông tin liên hệ:**

- Người liên hệ **Trương Thị Hồng Loan, số điện thoại liên hệ: 0919.99.52.39**
- Địa chỉ liên hệ nộp hồ sơ đăng ký: số 99 Nguyễn Thái Học, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường Long Xuyên thông báo đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được biết và đăng ký tham gia theo thông báo trên./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh (đăng trên Cổng TTĐT tỉnh);
- UBND phường;
- Phòng KT- HT & ĐT phường;
- Phòng VH-XH phường;
- Cổng Thông tin điện tử phường;
- Niêm yết tại nơi khai thác;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Võ Thị Mỹ Bình**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ**  
(theo phương thức niêm yết giá)

1. Tên tổ chức/cá nhân đăng ký thuê nhà: .....
- 2<sup>(1)</sup>. CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp .....
- 3<sup>(2)</sup>. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....
- Mã số thuế (nếu có): .....
- Đại diện bởi: ....., chức vụ .....
- CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp .....
4. Số tài khoản ..... tại Ngân hàng .....
5. Địa chỉ liên hệ: .....
6. Điện thoại liên hệ: .....
7. Mã tài sản đăng ký thuê<sup>(3)</sup>: .....
8. Mục đích sử dụng nhà thuê: .....
9. Đối tượng ưu tiên thuê nhà<sup>(4)</sup>:
  - Không thuộc đối tượng ưu tiên: ☐
  - Thuộc đối tượng ưu tiên: ☐ Ghi cụ thể loại đối tượng: .....

**Người đăng ký thuê nhà<sup>(5)</sup>**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Hướng dẫn ghi một số chỉ tiêu:**

- Phiếu đăng ký thuê nhà phải do tổ chức quản lý, kinh doanh nhà phát hành và được đóng dấu treo của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.
- (1) Áp dụng đối với người đăng ký thuê nhà là cá nhân.
- (2) Áp dụng đối với người đăng ký thuê nhà là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.
- (3) Ghi Mã tài sản đăng ký thuê theo Thông báo của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.
- (4) Các đối tượng ưu tiên thuê nhà là các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.
- (5) Nếu người đăng ký thuê là cá nhân thì cá nhân ký, ghi rõ họ tên; nếu người đăng ký thuê là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì người đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ**  
(theo phương thức chào giá cạnh tranh)

1. Tên tổ chức/cá nhân đăng ký thuê nhà:.....
- 2<sup>(6)</sup>. CCCD/Hộ chiếu số: .....Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp .....
- 3<sup>(7)</sup>. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: .....
- Mã số thuế (nếu có):.....
- Đại diện bởi: ....., chức vụ.....
- CCCD/Hộ chiếu số: .....Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp .....
4. Số tài khoản ..... tại Ngân hàng .....
5. Địa chỉ liên hệ: .....
6. Điện thoại liên hệ: .....
7. Mã tài sản đăng ký thuê<sup>(8)</sup>: .....
8. Mục đích sử dụng nhà thuê: .....
9. Giá thuê nhà đề xuất <sup>(9)</sup>:
  - Bằng số:.....(đồng/m<sup>2</sup>/năm)
  - Bằng chữ:.....(đồng/m<sup>2</sup>/năm)

**Người đăng ký thuê nhà<sup>(10)</sup>**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Hướng dẫn ghi một số chỉ tiêu:**

- Phiếu đăng ký thuê nhà phải do tổ chức quản lý, kinh doanh nhà phát hành và được đóng dấu treo của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.
- (6) Áp dụng đối với người đăng ký thuê nhà là cá nhân.
- (7) Áp dụng đối với người đăng ký thuê nhà là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.
- (3) Ghi Mã tài sản đăng ký thuê theo Thông báo của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.
- (4) Giá thuê nhà do người đăng ký thuê nhà đề xuất bảo đảm không thấp hơn giá sàn cho thuê tại Thông báo của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà. Trường hợp giá thuê nhà đề xuất bằng số và bằng chữ khác nhau thì xác định theo giá thuê nhà đề xuất bằng chữ.
- (5) Nếu người đăng ký thuê là cá nhân thì cá nhân ký, ghi rõ họ tên; nếu người đăng ký thuê là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì người đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.